

Bản án số: **527/2026/DS - ST**

Ngày: 27/7/2026

V/v tranh chấp: **Hợp đồng tín dụng**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thái Mỹ Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thị Tuyết Mai.

2/ Ông Lê Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Phi Liễu**, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Anh Thư** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 515/2026/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2026 về “**tranh chấp hợp đồng tín dụng**”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1158/2026/QĐXX-ST ngày 10 tháng 7 năm 2026. Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Q**

Trụ sở: **số A, đường số A, khu đô thị N, phường C, TP Cần Thơ**. (BL 19-20)

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Thành D** (Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐBT/2026 ngày 29/4/2026). Chức vụ: Chủ tịch HĐQT (BL 23-25)

Đại diện theo ủy quyền ông **Nguyễn Minh T** (Theo Giấy ủy quyền số 18/2026/UQ-HĐQT ngày 06/5/2026. Chức vụ: Giám đốc (BL 30). Có mặt

- Bị đơn:

1/ Ông **Phạm Hoàng D**, sinh năm 1988. Vắng mặt
CCCD số 093088007765 cấp ngày 17/4/2023;

2/ Bà **Cao Thị H**, sinh năm 1989. Vắng mặt

Cùng địa chỉ: **A, Khu V, Phường H, TP Cần Thơ**. (BL 65)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 23/3/2026 đại diện nguyên đơn trình bày: **Q** với ông **Phạm Hoàng Đ** và bà **Cao Thị H** có ký 02 Hợp đồng tín dụng như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 1-0006583/2022/HĐTD/QTDNDNCT ngày 13/12/2022: Nguyên đơn cho bị đơn vay tín chấp 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), mục đích vay: phục vụ nhu cầu đời sống (mua xe). Thực hiện Hợp đồng tín dụng này, nguyên đơn đã giải ngân cho khách hàng 01 lần với tổng số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) theo Giấy nhận nợ ngày 13/12/2022 và Phiếu chi cùng ngày. Thời hạn vay 12 tháng;

- Lãi suất cho vay: 19,8%/năm.
- Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn;

2. Hợp đồng tín dụng số 1-0006591/2022/HĐTD/QTDNDNCT ngày 14/12/2022: Nguyên đơn cho bị đơn vay tín chấp 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), mục đích vay: phục vụ nhu cầu đời sống (mua đất). Thực hiện Hợp đồng tín dụng này, nguyên đơn đã giải ngân cho khách hàng 01 lần với tổng số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) theo Giấy nhận nợ ngày 14/12/2022 và Phiếu chi cùng ngày. Thời hạn vay 12 tháng;

- Lãi suất cho vay: 19,8%/năm.
- Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn;

Trong quá trình giao dịch, bị đơn đã vi phạm hợp đồng, dù đã được nhắc nhở trả nợ nhiều lần nhưng đến nay vẫn không thanh toán tiền vốn và lãi theo thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Tạm tính đến ngày 12/3/2026, ông **Phạm Hoàng Đ** và bà **Cao Thị H** còn nợ tổng cộng 02 Hợp đồng tín dụng là **373.129.100 đồng** (trong đó: Nợ gốc: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), nợ lãi trong hạn: 128.619.700 đồng (Một trăm hai mươi tám triệu, sáu trăm mười chín nghìn, bảy trăm đồng), nợ lãi quá hạn là: 44.509.400 đồng (Bốn mươi bốn triệu, năm trăm lẻ chín nghìn, bốn trăm đồng); Nguyên đơn yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần bị đơn **Phạm Hoàng Đ** và **Cao Thị H** đến tham gia phiên họp về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cụ thể vào ngày 12/5/2026 và 05/6/2026, nhưng các bị đơn vắng mặt mà không có lý do (BL 55, 64). Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 10/7/2026 và hôm nay các bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do. Đại diện nguyên đơn yêu cầu các bị đơn phải trả số nợ gốc là **200.000.000 đồng** (Hai trăm triệu đồng), nợ lãi đến ngày 27/7/2026 là: **195.424.500 đồng** (Một trăm chín mươi lăm triệu, bốn trăm hai mươi bốn nghìn, năm trăm đồng), trong đó nợ lãi trong hạn là 143.483.300 đồng (Một trăm bốn mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi ba nghìn, ba trăm đồng), lãi quá hạn là 51.941.200 đồng (Năm mươi một triệu, chín trăm bốn mươi một nghìn, hai trăm

đồng) và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ. Nền vụ án được đưa ra xét xử công khai vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 phát biểu quan điểm:

- **Về việc tuân theo pháp luật tố tụng** của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: là phù hợp quy định pháp luật, không phát hiện vi phạm.

- **Về việc giải quyết vụ án:** Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án xác định yêu cầu của nguyên đơn là có đủ cơ sở, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nội dung cụ thể được trình bày tại Bài phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa (kèm theo hồ sơ).

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của đại diện nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Việc vay tiền giữa các đương sự được thỏa thuận và giao kết bằng Hợp đồng tín dụng số 1-0006583/2022/HĐTD/QTDNDNCT ngày 13/12/2022 (tín chấp) và Hợp đồng tín dụng số 1-0006591/2022/HĐTD/QTDNDNCT ngày 14/12/2022 (tín chấp), mục đích vay tiền là để phục vụ nhu cầu đời sống (mua xe và mua đất). Trong đó bên vay có nghĩa vụ trả cho bên cho vay vốn gốc và lãi suất theo thỏa thuận trong Hợp đồng. Do bên vay không thực hiện đúng thỏa thuận nên xảy ra tranh chấp. Xét đây là quan hệ tranh chấp Hợp đồng tín dụng được ngành luật dân sự điều chỉnh (do bên vay không có mục đích kinh doanh) và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án khi các đương sự có yêu cầu theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn **Phạm Hoàng Đ** và **Cao Thị H** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng cả hai vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Đồng thời, căn cứ những chứng cứ đã thu thập, có trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án theo Điều 91, Điều 93 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng các bị đơn vẫn luôn vắng mặt. Song căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, cụ thể là Hợp đồng tín dụng số 1-0006583/2022/HĐTD/QTDNDNCT ngày 13/12/2022 kèm theo Giấy nhận nợ ngày 13/12/2022 và Phiếu chi cùng ngày (BL 07-10) và Hợp đồng tín dụng số 1-0006591/2022/HĐTD/QTDNDNCT ngày 14/12/2022 kèm theo Giấy nhận nợ ngày 14/12/2022 và Phiếu chi cùng ngày (BL 02-05) do nguyên đơn cung cấp, có chữ ký xác nhận của cả hai bên. Do đó, nguyên đơn

khởi kiện yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả số nợ này là hoàn toàn có cơ sở theo qui định tại Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng và được pháp luật bảo vệ.

[4] Đại diện nguyên đơn xác định bị đơn chưa thanh toán phần gốc nên số tiền gốc vẫn là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Bị đơn đã được nhận tiền vay nhưng lại không chịu thực hiện nghĩa vụ trả tiền vốn và lãi theo Hợp đồng, cố tình né tránh nghĩa vụ trả nợ. Theo xác nhận của Công an phường H ngày 21/4/2026 (BL 65) thì đương sự Phạm Hoàng Đ và Cao Thị H có đăng ký thường trú tại địa phương nhưng ông Đ và bà H đã bán nhà bỏ địa phương đi; không thông báo với địa phương cũng như bên cho vay biết. Thậm chí nguyên đơn đã thực hiện việc Thông báo tìm kiếm trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng cả hai vẫn không liên hệ giải quyết vụ kiện, cố tình lẩn tránh, thái độ xem thường pháp luật (BL 70-83). Coi như bị đơn đã tự tước bỏ quyền tham gia tố tụng của mình và mặc nhiên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của phía nguyên đơn. Nên số nợ gốc mà các bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn **200.000.000 đồng** (Hai trăm triệu đồng) là có căn cứ.

[5] Về lãi suất: Căn cứ vào nội dung của Hợp đồng tín dụng số 1-0006583/2022/HĐTD/QTDNDNCT ngày 13/12/2022 (tín chấp) và Hợp đồng tín dụng số 1-0006591/2022/HĐTD/QTDNDNCT ngày 14/12/2022 (tín chấp) thì đây là 02 Hợp đồng tín dụng thời hạn là 12 tháng từ ngày 13-14/12/2022 đến ngày 13-14/12/2023; lãi suất trong hạn theo thỏa thuận hai bên là 19,8%/năm; lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Do đó, yêu cầu tiền lãi của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận theo qui định tại Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng. Bởi lẽ theo qui định của pháp luật và cả thỏa thuận trong Hợp đồng nếu bên vay không trả lãi đúng hạn thì số dư nợ gốc sẽ bị chuyển thành nợ quá hạn và phải chịu lãi suất theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng. Và căn cứ vào Bản tự khai và B kê lãi vay của Phạm Hoàng Đ và Cao Thị H vay từ ngày 13-14/12/2022 đến 27/7/2026, nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn phải trả lãi suất theo Hợp đồng đã thỏa thuận. Cụ thể, tổng tiền lãi là **195.424.500 đồng** (Một trăm chín mươi lăm triệu, bốn trăm hai mươi bốn nghìn, năm trăm đồng), trong đó nợ lãi trong hạn là 143.483.300 đồng (Một trăm bốn mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi ba nghìn, ba trăm đồng), lãi quá hạn là 51.941.200 đồng (Năm mươi một triệu, chín trăm bốn mươi một nghìn, hai trăm đồng) tính đến ngày 27/7/2026 là có cơ sở chấp nhận.

[6] Từ các phân tích trên, xét thấy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi là hoàn toàn có cơ sở theo qui định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và được pháp luật bảo vệ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Thời hạn và phương thức trả nợ thuộc thẩm quyền của Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Cần Thơ nên Hội đồng xét xử không điều chỉnh.

[8] Về chi phí thông báo nhắc tin tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng (theo Hóa đơn GTGT số 508 ngày 18/6/2026 và số 177 ngày 08/6/2026):

Số tiền là 900.000 đồng + 2.556.000 đồng = 3.456.000 đồng (Ba triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng) do nguyên đơn đã tạm ứng và đã thực hiện xong.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bị đơn phải chịu án phí trên phần nghĩa vụ phải thực hiện là 5% (200.000.000 đồng + ... đồng) = ...**000 đồng** (..... đồng).

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo qui định.
Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 26, 35, 39, 147, 180, **227, 228**, 264, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 463, 466 Bộ luật dân sự;
- Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng;
- Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.
- Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số qui định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Q**. Buộc bị đơn ông **Phạm Hoàng Đ** và bà **Cao Thị H** có nghĩa vụ trả cho **Q** số tiền là đồng (..... đồng), trong đó nợ gốc là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), nợ lãi trong hạn là đồng (.....đồng) và nợ lãi quá hạn là đồng (..... đồng) tính đến ngày 27/7/2026 khi án có hiệu lực *và lãi phát sinh từ ngày 28/7/2026 theo Hợp đồng tín dụng số 1-0006583/2022/HĐTD/QTDNDNCT ngày 13/12/2022 (tín chấp) và Hợp đồng tín dụng số 1-0006591/2022/HĐTD/QTDNDNCT ngày 14/12/2022 cho đến khi trả dứt nợ.*

2/ Về chi phí thông báo nhắc tin tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng: nguyên đơn chịu số tiền 3.456.000 đồng (Ba triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng) và đã thực hiện xong.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân **Q** được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.716.000 đồng (Bốn triệu, bảy trăm mười sáu nghìn đồng) theo biên lai số 0006809 ngày 13/4/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.
- Bị đơn ông **Phạm Hoàng Đ** và bà **Cao Thị H** phải liên đới chịu đồng (..... đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo và kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND phường nơi cư

trú hoặc từ khi nhận được bản án đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo đề xin Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Mỹ Nhung

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ.
- VKSND KV3-Cần Thơ.
- Cơ quan Thi hành án.
- Người TGT.
- Lưu HS – BA Thái Mỹ Nhung

